

Bản án số: **273/2021/HC-PT**

Ngày: 07 - 12 - 2021

V/v: “ *Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 91/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC- ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 442/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1928 (đã chết)

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Bà Trần Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quang B – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam: Ông Phan Khắc C – Chủ tịch Hội luật gia tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn H1 – Phó Chủ tịch UBND huyện T1;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Vi N1 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Năm 1956, vợ chồng bà H có mua một thửa đất diện tích khoảng 3000m² của ông Phở Đ2 để làm nhà ở và canh tác đất vườn, có tứ cận, Đông giáp vườn ông Trần Viết H2, Tây giáp vườn ông Nguyễn Đ3, Nam giáp đất ông Trần V và Bắc giáp vườn ông Nguyễn Thành Tr.

Năm 1996, UBND xã T đã vận động gia đình bà H cùng một số hộ dân hiến đất tại khu vực để mở đường thông tuyến Trung tâm cụm xã T. Sau khi hiến đất mở đường, khu vườn nhà bà H bị đường chia cắt thành 2 thửa, một thửa hiện nay có nhà cấp 4 bà H đang sinh sống đã được cấp GCNQSDĐ năm 1997, 01 thửa UBND xã T chia làm 5 lô để bán cho các hộ dân khác. Khi biết được thông tin trên, gia đình bà H đã làm đơn khiếu nại rất nhiều lần từ năm 2001 đến nay.

Ngày 05/12/2018, UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, trú tại: Thôn 10, xã T (lần đầu); không đồng ý bà H tiếp tục khiếu nại và được UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết bằng Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (người được ủy quyền là bà Trần Thị N con gái), trú tại: Thôn 10, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Nam (lần hai).

Bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần đầu) và hủy Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày

28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần hai)

Người bị kiện:

- Tại Văn bản số 308/UBND-TH ngày 27/2/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của bà N thì thấy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại đảm bảo về thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung giải quyết khiếu nại:

Về hồ sơ kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP thể hiện diện tích đất mà bà H khiếu nại thuộc thửa đất 38, tờ bản đồ số 11, diện tích 2638m² do UBND xã T quản lý. Khi kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP, hộ bà Trần Thị N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất các thửa 53, tờ bản đồ số 11, diện tích 1000m² loại đất thổ cư; thửa 261, 358, 327, tờ bản đồ số 9, loại đất lúa, diện tích 1458m² mà không thực hiện kê khai, đăng ký đối với thửa 38, tờ bản đồ 11.

Kết quả xác minh nguồn gốc đất với UBND xã T và các chủ sử dụng liên kê, biết rõ nguồn gốc diện tích đất mà bà H khiếu nại thể hiện: Toàn bộ diện tích 973,1m² theo Sơ đồ diện tích đất do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T1 lập ngày 15/8/2018 có nguồn gốc của vợ chồng ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị T5, bà Phạm Thị H không liên quan đến phần diện tích đất này. Ông Trần Viết H2, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Ng là con ruột của bà H cũng cho rằng toàn bộ diện tích 973,1m² không có nguồn gốc như bà H và bà N trình bày.

Kết quả xác minh những người xác nhận vào Đơn và Giấy xác nhận của bà Trần Thị N thể hiện các Đơn và Giấy xác nhận có nội dung không phù hợp với trình bày thực tế của từng người xác nhận; các Đơn và Giấy xác nhận không phải là loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014; khoản 16 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T1 là có cơ sở và đúng quy định. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Tại Văn bản số 1811/UBND-NC ngày 01/04/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Ngày 05/01/2019, UBND tỉnh nhận được Đơn của bà Phạm Thị H (bà H ủy quyền cho con gái là bà Trần Thị N) khiếu nại yêu cầu UBND huyện T1 giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà H đối với diện tích đất mà bà cho rằng UBND huyện T1 đã lấy của gia đình bà để bố trí cho các hộ dân khác trái quy định. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND huyện T1 giải quyết tại Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 nhưng bà H không thống nhất.

Sau khi xem xét nội dung đơn, căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011, đơn khiếu nại của bà H đủ điều kiện thụ lý và đã được UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh xác minh, đối thoại, tham mưu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 48/BC-TTT ngày 17/4/2019 về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà H; Công văn số 159/TTT-NV3 ngày 26/4/2019 về báo cáo kết quả đối thoại với công dân. Ngày 28/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1562/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H. Như vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà H là phù hợp theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Kết quả xác minh nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam xét thấy khiếu nại của bà H là không có căn cứ, Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 là có cơ sở nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 1562/QĐ-UBND là đảm bảo. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Với nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 31, Điều 40, Điều 50 Luật khiếu nại 2011; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần đầu) và hủy Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần hai).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2020 bà Phạm Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; hủy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần đầu) và hủy Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần hai).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị:

Về tố tụng: HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Kháng cáo không có tình tiết gì mới đề nghị HĐXX bác kháng cáo giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án. Tòa xét:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐ-PT vì lý do người khởi kiện bà Phạm Thị H đã chết nhưng chưa có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Tại Biên bản xác minh ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo sự ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm) thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H là hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông (bà) Trần Việt H2, Trần Thị Ng, Trần Thị H3 và Trần Thị N. Tại các Biên bản lấy lời khai cùng ngày 07/7/2021, các ông (bà) Trần Việt H2, Trần Thị Ng và Trần Thị H3 khai nhận không biết nội dung khởi kiện của bà H trước đây và không tiếp tục việc khởi kiện vụ án hành chính; riêng bà Trần Thị N đồng ý kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H, tiếp tục yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với nội dung kháng cáo. Như vậy, lý do tạm đình chỉ xét xử vụ án không còn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Luật tố tụng hành chính tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam vì các Quyết định nêu trên đã không công nhận nội

dung khiếu nại của bà Phạm Thị H đối với diện tích đất 610m² đã được UBND huyện T1 cấp cho 05 hộ dân, thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích 610m² thuộc thửa đất 38, tờ bản đồ số 11:

Căn cứ Sổ mục kê đất đai (kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP) thì diện tích 610m² là một phần của diện tích 2638m² thửa đất số 38, tờ bản đồ số 11, do UBND xã T là người sử dụng đất; còn theo lời khai của bà H và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị N thì nguồn gốc diện tích đất trên là một phần trong diện tích khoảng 3000m² do vợ chồng bà H nhận chuyển nhượng từ ông Lương Ngọc H4 từ năm 1956 nhưng người khởi kiện không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung này; theo lời khai của ông Lương Ngọc H4 (bút lục 125) thì gia đình Ông không có đất tại thôn 10, xã T, huyện T1, Ông cũng không bán hay chuyển nhượng đất cho bà H. Bà H cũng không chứng minh được việc sử dụng ổn định, liên tục diện tích đất nêu trên; mặc dù bà H có cung cấp Đơn xin xác nhận ngày 05/3/2011 về nguồn gốc đất được các hộ dân ký xác nhận mua của ông Phó Đ2 nhưng theo kết quả xác minh từ các hộ dân sống gần thửa đất bà H đang khiếu nại, gồm các ông (bà): Nguyễn Lâm Th1, Võ Thị B, Lê Thị T3, Nguyễn Thành T4, Nguyễn Viết H2, Trần Thị H3, Trần Thị Ng thì trước khi nhà nước thu hồi đất, thời gian trước năm 2004, phần diện tích thửa đất trên do vợ chồng ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thị T5 trồng khoai sắn.

[2.2] Gia đình bà H (bà N con bà H) có kê khai đối với thửa đất 53, tờ bản đồ số 11, diện tích 1000m², loại đất thổ cư. Đây chính là diện tích đất, bà H cho rằng mua của ông Phó Đ2 cùng với thửa đất liên quan đến khiếu nại, bà H có kê khai theo Nghị định 64/CP năm 1993 (trước khi nhà nước có phê duyệt phương án thu hồi đất năm 2001) đối với thửa đất này và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai đối với thửa đất đang khiếu nại. Tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 242, 243), đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – bà Trần Thị N cho rằng “*toàn bộ thửa đất là gia đình tôi quản lý sử dụng, năm 1996 xã vận động hiến đất mở đường chứ không biết việc kê khai*”, lời khai này là không có cơ sở chấp nhận bởi thửa đất số 53 tờ bản đồ số 11 (đối diện với thửa đất số 38 đang khiếu nại) đã được bà kê khai và được cấp giấy CNQSDĐ nên việc bà cho rằng không biết chủ trương kê khai cấp QSDĐ đối với thửa đất số 38 là không đúng.

[2.3] Theo kết quả đo đạc ngày 04/7/2018 của UBND huyện T1 đối với diện tích khiếu nại của bà Phạm Thị H theo vị trí thực địa do bà Trần Thị N xác định. Sơ đồ vị trí đất bà H khiếu nại thực tế có diện tích là 973,1m², trong đó có liên quan đến 5 lô đất đã được khai thác quỹ đất và phân lô cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Trần Văn Liêu và bà Trần Thị Lưu (lô 2C), bà

Trần Thị Luân (lô 4C), ông Đỗ Văn Lý (lô 3C) ông Trần Văn Trí và bà Trần Thị Hoa Cúc (lô 6C), ông Phùng Văn Luân và bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết (lô 5C).

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có yêu cầu triệu tập những người làm chứng để xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, tại Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập nhưng những người làm chứng nhưng họ vắng mặt tại phiên tòa; tuy vậy hồ sơ đã có xác minh của các cơ quan chức năng của UBND huyện T1, những người này có người biết, cũng có người không biết rõ về nguồn gốc sử dụng đất, diện tích, kích thước, không xác định được vị trí cụ thể và thời gian sử dụng đất của gia đình bà H, nên không đủ cơ sở để xem xét.

[3] Xét thấy, bà H không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014; khoản 16 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để chứng minh cho quyền sử dụng đất của mình. Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã tiến hành xác minh thông tin, chứng cứ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hồ sơ địa chính liên quan đến diện tích đất khiếu nại đầy đủ để quyết định không chấp nhận nội dung khiếu nại đối với diện tích 610m² của bà H là đúng với các quy định của pháp luật.

Từ đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H.

[4] Án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị H là bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác toàn bộ kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H là bà Trần Thị N và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 31, Điều 40, Điều 50 Luật khiếu nại 2011;
Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần đầu) và hủy Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H (lần hai).

2. Về án phí: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/12/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tồn